

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa.

2. Bà Đặng Thuỳ Thuỳ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bảo T, sinh năm 1999

Trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức T1, sinh năm 1996

Trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, vắng mặt anh T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn chị Lê Thị Bảo T trình bày: Chị Lê Thị Bảo T và anh Trần Đức T1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2018. Hôn nhân do tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không thể hòa hợp. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị T và anh T1 sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chị Lê Thị Bảo T yêu cầu ly hôn với anh Trần Đức T1. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lê Bảo Đ, sinh ngày 22/3/2018 và Trần Lê Hoàng P, sinh ngày 09/01/2021. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Hoàng P, chị T yêu cầu anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Bảo Đ. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Bảo T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Đức T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bảo T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Đức T1, chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Lê Hoàng P, anh T1 được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Lê Bảo Đ. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Thị Bảo T và anh Trần Đức T1 là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Lê Thị Bảo T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định. Bị đơn là anh Trần Đức T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bảo T và anh Trần Đức T1 tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, số đăng ký 10, ngày đăng ký ngày 25 tháng 01 năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Bảo T và anh Trần Đức T1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Lê Bảo Đ, sinh ngày 22/3/2018 và Trần Lê Hoàng P, sinh ngày 09/01/2021. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Hoàng P, chị T yêu cầu anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Bảo Đ. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, Hoàng Phát h đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bảo Đ hiện đang do anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống cho Hoàng P và Bảo Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Hoàng P, anh T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trần Lê Bảo Đ. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hai bên chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bảo T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bảo T được ly hôn với anh Trần Đức T1.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê Hoàng P, sinh ngày 09/01/2021 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung Trần Lê Bảo Đ, sinh ngày 22/3/2018 cho anh T1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hai bên chưa có yêu cầu.

Chị Lê Thị Bảo T và anh Trần Đức T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Bảo T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011020 ngày 14/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị Lê Thị Bảo T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Châu Thành, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Cửu Nghĩa, H. Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Kim Hằng